

Bản án số: 12/2025/HS-ST

Ngày: 11-02-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Long

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đinh Thế Khản

- Bà Vũ Thị Huyền

- Bà Lê Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 02/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HS ngày 16/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HS ngày 13/01/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Quàng Huy H**; tên gọi khác Quàng Duy Hà; sinh năm 1982 tại tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Bản Pa Pe, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn S1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (sinh năm 1962); bị cáo có 2 vợ đã ly hôn: Vợ thứ nhất Phạm Hồng N, vợ thứ hai Lê Thị Lê Q và có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; tiền án: Bản án số 24/2015-HSST ngày 17/3/2015 Của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 06 tháng 14 ngày tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích (chưa bồi thường cho các bị hại); tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo*

Ông Nguyễn Chí Đại, Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lai Châu (Có mặt)

Địa chỉ: Số 691, đường Phúc Diễn, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

** Bị hại*

1. Ông Hoàng Mạnh T, sinh năm 1961 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ 4, phường Hưng Thanh, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Ông Nguyễn Như H, sinh năm 1960 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Thôn Thác, xã Cam Đường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

3. Chị Mào Thị C, sinh năm 1988 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nậm Hàng, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

4. Chị Đoàn Thị B, sinh năm 1983 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ 1, phường Na Lay, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*

1. Anh Hà Minh K, sinh năm 1980 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Thôn Tân Hùng, xã Đức Hùng, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bà Trương Thị H2, sinh năm 1969 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ 12, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Chị Lê Thị Lệ Q, sinh năm 1985 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ 1, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

4. Chị Lương Thu H3, sinh năm 1988 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ 11, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

5. Anh Hoàng Mạnh L, sinh năm 1988 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Bản trung tâm, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

6. Chị Hoàng Thị T2, sinh năm 1983 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ 6, phường Tường An, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

7. Ông Mai Văn S, sinh năm 1960 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Số 24, hẻm 16, ngách 3, ngõ 58, phố Trần Bình, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

8. Anh Đỗ Văn T3, sinh năm 1981 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ 1, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

9. Chị Đỗ Thị Hải Y, sinh năm 1990 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ 11, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

** Người làm chứng:*

1. Ông Đỗ Văn T4, sinh năm 1964 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ 9, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

2. Ông Phạm Việt Y2, sinh năm 1971 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

3. Anh Nguyễn Tiến H4, sinh năm 1994 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

4. Chị Phạm Lê H5, sinh năm 1995 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Số nhà 320 HH1C Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

5. Bà Tạ Thị L1, sinh năm 1966 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Tổ 1, phường Na Lay, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.

6. Bà Lê Thị B1, sinh năm 1959 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Số nhà 320 HH1C Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/7/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu tiếp nhận tố giác tội phạm của ông Hoàng Mạnh T (sinh năm 1961 trú tại tổ 9, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang) về việc Quảng Huy H (Sinh năm 1982, trú tại bản Pa Pe, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên) có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 22/9/2013, Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Lai Châu ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, lệnh bắt bị can để tạm giam đối với H. Nguyên nhân do lười lao động và để con tiền ăn chơi, Quảng Huy H đăng ký thành lập Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Mạnh H Điện Biên (Công ty Mạnh H), rồi tìm cách tiếp cận với các doanh nghiệp có điều kiện kinh tế nhưng thiếu công trình thi công, để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của doanh nghiệp dưới hình thức chạy dự án, chạy công trình cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào tháng 02/2022, khi sinh sống và làm việc tại thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, anh Phạm Việt Y2 (sinh năm 1971, trú tại xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang) gặp gỡ và quen biết H, khi nói chuyện H giới thiệu là giám đốc Công ty Mạnh H. H nói xin được một số công trình ở tỉnh Lai Châu, nếu ai muốn làm H sẽ nhượng lại cho. Biết được thông tin trên, anh Y2 nói lại với anh Hoàng Mạnh T là giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thi công xây dựng LH (Công ty LH). Anh T nói với anh Y2 gọi điện hẹn gặp H tại thành phố Lai Châu để trực tiếp nói chuyện. Đầu tháng 3/2022 anh T, anh Y2 gặp H tại nhà nghỉ BL (thuộc tổ 18 phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu). H đưa ra thông tin đã làm hồ sơ xin được “công trình đường nội đồng” và “công trình đường liên bản” tại Xã Nà Tăm, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu với số tiền đầu tư là 13.000.000.000 đồng (mười ba tỷ đồng), anh T muốn làm thì H sẽ để lại và trả cho H 5% tổng vốn đầu tư của công trình. Anh T trao đổi với anh Hà Minh K (sinh năm 1980, trú tại thôn Tân hùng, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang), là người góp vốn mở công ty cùng, anh K đồng ý. Ngày 18/3/2022, anh T sử dụng tài khoản số 107898819666 (mang tên Hoàng Mạnh T) chuyển số tiền 120.000.000 đồng

(một trăm hai mươi triệu đồng) đến số tài khoản 8907288883888 (mang tên Quàng Huy H). Đến ngày 23/5/2022 anh T, anh Y2 tiếp tục đi lên thành phố Lai Châu để gặp H tại nhà nghỉ BL, tại đây H yêu cầu đưa thêm tiền nên anh T đã đưa cho H 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền mặt và nhờ anh H6 (sinh năm 1985, trú tại thôn Tân Hùng, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang) sử dụng tài khoản số 103000924858 chuyển số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) đến số tài khoản của H. Sau khi chuyển tiền, anh T yêu cầu H viết giấy biên nhận đã nhận tổng số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 25/5/2022 H nói số tiền đã nhận chưa đủ như thỏa thuận nên anh T bảo anh K sử dụng tài khoản số tiền 108930988888 (mang tên Hà Minh K) chuyển số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) đến tài khoản của H chia làm hai lần (lần thứ nhất 100.000.000 đồng lần thứ hai 200.000.000 đồng).

Sau khi nhận 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu), trong quá trình chờ thi công hai công trình trên, H tiếp tục đưa thông tin có khả năng xin được công trình nâng cấp sửa chữa tuyến đường xã Bum Nưa đi xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè, với số tiền đầu tư là 13.000.000.000 đồng (mười ba tỷ đồng) và công trình san lấp mặt bằng tái định cư xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu với vốn đầu tư là 13.000.000.000 đồng (mười ba tỷ đồng) anh T muốn trúng thầu thì chi trước 5% tổng vốn đầu tư của hai công trình để H đi quan hệ xin công trình. Anh T không biết bị lừa nên đã đồng ý, sau khi thống nhất anh T bảo anh K sử dụng tài khoản ngân hàng số 108930988888 chuyển nhiều lần với tổng số tiền 820.000.000 đồng (tám trăm hai mươi triệu) đến tài khoản ngân hàng số 98907288883888 của Hà, cụ thể:

- Ngày 28/3/2022 anh K chuyển khoản 100.000.000 đồng.
- Ngày 06/4/2022 anh K chuyển khoản 120.000.000 đồng.
- Ngày 25/4/2022 anh K chuyển khoản 200.000.000 đồng.
- Ngày 09/5/2022 anh K chuyển khoản 100.000.000 đồng.
- Ngày 09/5/2022 anh K chuyển khoản 150.000.000 đồng.
- Ngày 13/5/2022 anh K chuyển khoản 150.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tổng số tiền 1.470.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng) H đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết, anh T và anh K đã nhiều lần liên lạc, yêu cầu trả lại số tiền trên nhưng H không trả lại và bỏ trốn khỏi địa phương.

Vụ thứ hai: Tháng 02/2022 anh Đỗ Văn T4 (sinh năm 1964 trú tại tổ 9, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai) lên thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên kinh doanh buôn bán, thông qua các mối quan hệ anh T4 quen biết H. Khi nói chuyện với nhau, H giới thiệu là giám đốc công ty xây dựng tại tỉnh Điện Biên và có một số công trình ở huyện Tam Đường và huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu mà doanh nghiệp của H không làm hết việc, nếu ai có năng lực muốn nhận lại để làm thì H để lại cho. Nghe H nói vậy anh T4 nói Công ty TNHH Minh Tuân (Công ty MT) do anh Nguyễn Như H1 (sinh năm 1960 trú tại thôn Thác, xã Cam Đường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai) làm

giám đốc (là thông gia với anh T4) có đủ phương tiện thiết bị máy móc để làm. Đầu tháng 4/2022 H gọi điện cho anh T4 và nói đưa anh H1 lên thành phố Điện Biên Phủ để nói chuyện, ngày 13/4/2022 anh T4 và anh H1 lên thành phố Điện Biên Phủ, khi gặp nhau H nói với anh H1 hiện tại có công trình san lấp mặt bằng tại huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu với trị giá 14.000.000.000 đồng (mười bốn tỷ đồng) nếu muốn nhận lại thì chuyển cho H 10% tổng vốn đầu tư công trình, trước mắt chuyển trước 5% với số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu). Anh H1 không biết bị lừa nên đã đồng ý, để tạo lòng tin H đưa anh H1 lên huyện Phong Thổ để gặp Chủ tịch UBND huyện và Ban quản lý dự án huyện.

Ngày 14/4/2022 trên đường từ thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đi huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu, H nói với anh H1 phải nộp tiền luôn, nên khi đến ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Phong Thổ, anh H1 vào rút số tiền 680.000.000 đồng (sáu trăm tám mươi triệu) đưa cho H. H một mình đi lên tầng 2 tòa nhà đầu tiên trụ sở UBND huyện Phong Thổ. Sau đó H gọi điện cho anh H1 lên, khi anh H1 lên thì không thấy H đâu, nhìn vào phòng Chủ tịch UBND thì không thấy ai ở bên trong nên anh H1 quay lại xe ô tô thì thấy H đang ngồi ở xe. H nói với anh H1 “Chủ tịch huyện đi cơ sở không có nhà” và bảo anh H1 đi về, còn H sang BQLDA huyện Phong Thổ làm việc, khi nào xong H sẽ gọi điện cho anh H1 lên ký hợp đồng. Ngày 20/5/2022 Hà nhắn tin cho anh H1 lên huyện Phong Thổ để công bố trúng thầu và giao lưu, nên ngày 12/6/2022 anh H1 cùng anh T4 lên thành phố Lai Châu nhưng không gặp H. Trưa ngày 13/6/2022 anh H1 và anh T4 gặp H ở quán cà phê khách sạn Hoàng Nhâm và mời H đi ăn cơm, khi ra đến quán H không ăn mà nói có việc phải đi trước và hẹn anh H1 buổi chiều gặp nhau ở huyện Phong Thổ. Chiều cùng ngày, anh H1 cùng anh T4 lên huyện Phong Thổ để gặp H. Gọi điện thì H thông báo BQLDA huyện Phong Thổ đi tuyển về muộn, không gặp được nên anh H1 cùng anh T4 về thành phố Lai Châu ngủ, sáng ngày 14/6/2022 anh H1 gọi điện cho H không được nên cùng anh Tám lên BQLDA huyện Phong Thổ để hỏi về dự án H đưa ra nhưng được BQLDA huyện Phong Thổ trả lời không biết H là ai, trên địa bàn huyện Phong Thổ không có dự án san lấp mặt bằng tái định cư như H đưa ra. Lúc này, anh H1 nhận ra đã bị H lừa và nhiều lần gọi điện nhưng không được. Một thời gian sau anh T4 lên thành phố Điện Biên Phủ gặp H, anh T4 gọi điện để anh H1 nói chuyện với H, H bảo cung cấp số tài khoản để H trả tiền, anh H1 cung cấp số tài khoản nhưng không thấy H chuyển trả, sau đó H bỏ trốn và không liên lạc được.

Vụ thứ ba: Trong quá trình điều tra xác định tháng 7/2013 do có quen biết với nhau từ trước và được Quảng Huy H đưa ra thông tin có quen biết với nhiều người trong ngành Công an và nói có khả năng xin việc vào làm trong ngành Công an, nên chị Mào Thị C (sinh năm 1988, trú tại: tổ dân phố Nậm Hàng, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu) đặt vấn đề với Hà xin cho em trai chị Chiến là Mào Văn T5 (sinh năm 1995, trú tại: Bản Chợ, xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu) vào làm trong ngành Công an. H đồng ý và yêu cầu chị C đưa cho H số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) và một bộ hồ sơ để H đi xin việc, sau đó chị C đưa cho H một bộ hồ

sơ mang tên Mào Văn T5; ngày 03/7/2013 chị C đến ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Nậm Nhùn chuyển số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đến số tài khoản 36210000140375 của H đăng ký mở tại ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh Lai Châu; ngày 08/7/2013 chị C chuyển tiếp số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) vào tài khoản số 7800205031328 mang tên Trương Thị H2 do H cung cấp; ngày 30/8/2013 chị C chuyển số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) vào tài khoản 36210000140375 của H. Sau khi nhận đủ số tiền H nói với chị C tháng 9/2013 sẽ có quyết định cho anh T5 đi làm. Nhận số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) từ chị C, H không liên hệ xin việc và cũng không đưa tiền cho ai để xin việc cho anh T5 mà dùng số tiền đó để tiêu xài cá nhân hết. Khi biết mình bị lừa, chị C đã yêu cầu H trả lại tiền cho mình thì H đã trả lại được 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) và chị Lê Thị Lê Q (khi đó là vợ của H) thay H trả cho chị C số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), trả làm nhiều lần. Từ đó đến nay H không trả số tiền còn lại 135.000.000 đồng (một trăm ba lăm triệu đồng) cho chị C.

Vụ thứ tư: Cùng thời điểm khoảng tháng 8/2013 do biết bà Tạ Thị L1 (sinh năm 1966; trú tại tổ 1, phường Na Lay, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên) có nhu cầu xin việc cho con trai là Nguyễn Tiến H4 (sinh năm 1994) và bà Lê Thị B1 (sinh năm 1959; trú tại số 320 HH1C Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội) có nhu cầu xin việc cho con gái là Phạm Lê H5 (sinh năm 1995) vào ngành Công an nên chị Đoàn Thị B (sinh năm 1983; trú tại tổ 1, phường Na Lay, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên) thông qua các mối quan hệ quen biết đã gọi điện thoại cho Quàng Huy H để nhờ xin việc hộ con bà L1 và bà B1. Qua trao đổi, H nói với chị B mức chi phí xin vào ngành Công an đối với nam từ 220 triệu đồng đến 250 triệu đồng; đối với nữ là 200 triệu đồng; ban đầu phải đi nghĩa vụ một thời gian và sau đó vào biên chế chính thức. Cả hai thống nhất số tiền xin việc cho H4 và H5 là 440 triệu đồng còn chị B trao đổi mức chi phí với bà L1 và bà B1 như thế nào thì tùy. Chị B thông tin lại số tiền xin việc cho H4 là 320 triệu đồng và cho H5 là 300 triệu đồng để hưởng chênh lệch 180 triệu đồng, bà L1 và bà B1 đều nhất trí. Khoảng đầu tháng 9/2013 sau khi nhận 320 triệu đồng (tại nhà bà L1) và 300 triệu đồng của bà B1 (tại nhà mình), chị B từ thị xã Mường Lay đến xưởng vật liệu xây dựng của H tại tổ 9, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu đưa cho H số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) cùng hai bộ hồ sơ xin việc của H4 và H5 (lúc đó chỉ có B và H). Cuối tháng 9/2013 H có việc đi qua thị xã Mường Lay, B đưa cho H số tiền 35.000.000 đồng (ba lăm triệu đồng) còn thiếu và nợ lại 05 triệu đồng, tổng số tiền B đưa cho H để xin việc cho H4 và H5 là 435.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng). H không đưa số tiền đó cho ai để quan hệ xin việc, không nộp hồ sơ xin việc mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Chờ lâu chị B nhiều lần liên lạc H đưa ra nhiều thông tin gian dối (sếp đi vắng, chưa họp xong, chưa thống nhất, khi nào có đợt thì sẽ gọi H4 và H5 lên khám tuyển...). Chờ lâu không xin được việc như đã hứa nên chị B bảo gia đình H4, gia đình H5 không xin việc nữa và muốn lấy lại tiền, H bảo tiền đã dùng để đi quan hệ chưa lấy lại được (thực tế H đã chi tiêu cá nhân hết). Đến ngày

03/9/2014 H bị bắt và xét xử về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; chị B nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền cho bà L1 và bà B1, đồng thời liên hệ với chị Lê Thị Lệ Q (vợ H) yêu cầu trả số tiền H nhận của B, chị Q đã thay H trả cho chị B được tổng số tiền 142.500.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng); năm 2018 H chấp hành xong hình phạt và tiếp tục trả cho chị B được 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng); tổng cộng H còn thiếu chị B 202.500.000 đồng (hai trăm linh hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Xác minh tại ban quản lý dự án huyện Phong Thổ: Không có dự án san lấp mặt bằng tái định cư bản Nậm Xe; từ năm 2018 đến nay không có dự án công trình bờ kè chống sạt lở nào; công ty MH không có hồ sơ dự thầu nào tại huyện Phong Thổ.

Xác minh tại ban quản lý dự án huyện Mường Tè: Có dự án nâng cấp đường giao thông đến trung tâm các xã, các công ty trúng thầu gồm: Liên doanh số 10; Tân Phong; Liên Phương; Hoàng Phương. Trong đó có tuyến đường từ xã Bum Nưa đi xã Pa Vệ Sủ do Công ty Liên Phương Mường Tè thi công. Công ty MH không mua hồ sơ dự thầu, không dự thầu và không tham gia thi công công trình trên.

Xác minh tại ban quản lý dự án huyện Tam Đường: Tại Nghị quyết của HĐND tỉnh Lai Châu và HĐND huyện Tam Đường có danh mục các công trình “đường nội đồng xã Nà Tăm” và “đường liên bản xã Nà Tăm” được thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2025, nhưng đến thời điểm xác minh (ngày 05/8/2022) hai công trình trên chưa hoàn thiện thủ tục và đưa ra đấu thầu nên chưa có doanh nghiệp nào đấu thầu và trúng thầu. Công ty MH không trúng thầu bất kỳ dự án nào trên địa bàn huyện Tam Đường.

Xác minh tại Phòng tổ chức cán bộ, Công an tỉnh Lai Châu: Trong thời gian năm 2013 đến năm 2014, Công an tỉnh Lai Châu không tuyển chọn vào ngành Công an, tuyển chọn đi nghĩa vụ đối với công dân nào có tên Nguyễn Tiến H4 (sinh năm 1994; trú tại tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu); Phạm Lê H5 (sinh năm 1995; trú tại phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội).

Ngày 02/8/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu ra quyết định truy tìm số 06/QĐ-CSHS đối với Quảng Huy H; ngày 21/9/2023 Quảng Huy H bị cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Lai Châu phối hợp với công an xã Thanh Hưng; công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên triệu tập về làm việc khi H đang lẩn trốn tại bản Pa Pe, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa Quảng Huy H khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại như trên. Số tiền chiếm đoạt H dùng tiêu sài cá nhân, trả nợ, trả tiền vật liệu, mua hàng hóa... (chuyển khoản hoặc trả tiền mặt, do thời gian đã lâu nên không nhớ cụ thể).

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt cụ thể: Anh Hoàng Mạnh T 1.470.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi

triệu đồng); anh Nguyễn Như H1 680.000.000 đồng (sáu trăm tám mươi triệu đồng); chị Đoàn Thị B 202.500.000 đồng (hai trăm linh hai triệu năm trăm nghìn đồng); chị Mào Thị C 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng), trong đơn xin vắng mặt tại phiên tòa chị C rút yêu cầu bồi thường số tiền trên.

Bản Cáo trạng số 78/CT-VKSLC-P1 ngày 18/11/2024 Viện kiểm sát nhân tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Quàng Huy H (Quàng Duy H) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu giữ quyền công tố sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Quàng Huy H, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 47 của Bộ Luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 14 đến 15 năm tù. Buộc bị cáo phải hoàn trả các bị hại, số tiền đã chiếm đoạt theo quy định của pháp luật dân sự: Anh T 1.470.000.000 đồng; anh H1 680 triệu đồng; chị B 202.500.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy vật chứng. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 11/5/2023 bà L1 làm đơn tố giác B đến cơ quan điều tra về việc B nhận 220 triệu đồng để xin việc cho con trai bà là Nguyễn Tiến H4 vào ngành Công an (thông qua H), sau khi H bị bắt, B tự viết giấy nhận tiền nhờ bà ký và hứa trả lại tiền xin việc nên B không bị xử lý cùng H, sau đó B trả cho bà được 91 triệu đồng, số còn lại B chưa trả, bà L1 yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với B. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên không khởi tố đối với hành vi của B do hết thời hiệu và xác định hành vi của H có dấu hiệu tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên đã tách hành vi và chuyển cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu giải quyết theo thẩm quyền. Kết thúc điều tra, xét thấy hai vụ việc cùng tội danh, cùng bị can thực hiện, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã nhập vụ án để truy tố và xét xử trong cùng một vụ án là phù hợp.

Các bị hại; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị cáo nhất trí xét xử vắng mặt những người này; HĐXX căn cứ Điều 292/BLTTHS tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định bà L1, bà B1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người này xin vắng mặt tại phiên tòa, không đề nghị về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, mặt khác chị B nhận trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền đã nhận, do đó HĐXX xác định bà L1, bà B1 là người làm chứng và có các quyền và nghĩa vụ của người làm chứng trong vụ án.

Kết thúc phần xét hỏi, bị cáo từ chối việc bào chữa của người bào chữa tại phiên tòa. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi do đó việc từ chối của bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng khác của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Để có tiền chi tiêu cá nhân và trả các khoản nợ, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2013 đến tháng 5/2022 bằng thủ đoạn đưa ra các thông tin gian dối: Có nhiều mối quan hệ nên có thể xin việc vào ngành Công an; công ty của H trúng thầu nhiều công trình muốn chuyển nhượng lại do không làm hết; có mối quan hệ có thể xin được các công trình. Quàng Huy H đã 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đã chiếm đoạt được tổng số tiền 2.755.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu đồng) gồm: Chiếm đoạt của chị Mào Thị C một lần với số tiền 170 triệu đồng; chiếm đoạt của chị Đoàn Thị B một lần với số tiền 435 triệu đồng; chiếm đoạt của anh Hoàng Mạnh T hai lần với số tiền 1.470.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Như H1 một lần với số tiền 680 triệu đồng. H dùng toàn bộ số tiền chiếm đoạt được dùng để trả nợ, mua bán hàng hóa, chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

.....

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bằng hành vi gian dối ngay từ đầu để chiếm đoạt tài sản của các bị hại làm mất trật tự tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây bức xúc cho dư luận. Bản thân bị cáo là người có nhận thức pháp luật nhưng chưa có ý thức tu dưỡng nên đã phạm tội. Vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo, tuy

nhân khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và vợ (chị Q) đã khắc phục 35 triệu đồng cho chị C và 232.500.000 đồng cho chị B do đó cần áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” (chưa chấp hành xong bản án trước) và “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52/BLHS.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự; tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly Bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Những vấn đề liên quan:

[4.1] Bị cáo dùng tiền chiếm đoạt được của bị hại chi trả cho các nhu cầu cá nhân, HĐXX xác định được nguồn tiền và dòng tiền H thực hiện thông qua các giao dịch tại Ngân hàng, không liên quan đến các nguồn tiền khác gồm:

- Đỗ Thị Hải Y: 05 lần với tổng số tiền 205.500.000 đồng (ngày 18/3/2022 là 11.500.000 đồng; ngày 28/3/2022 là 23 triệu đồng; ngày 07/4/2022 là 10 triệu đồng; ngày 09/5/2022 là 92 triệu đồng; ngày 14/5/2022 là 69 triệu đồng);

- Lương Thị Thu H3: 02 lần với tổng số tiền 55 triệu đồng (ngày 29/3/2022, một lần 05 triệu đồng và một lần 50 triệu đồng);

- Hoàng Thị T2: ngày 28/3/2022, một lần với số tiền 02 triệu đồng;

- Nguyễn Đình T5: ngày 29/3/2022, một lần với số tiền 4.600.000 đồng;

- Mai Văn S: ngày 06/4/2022, một lần với số tiền 55 triệu đồng;

- Hoàng Mạnh L: ngày 14/5/2022, một lần với số tiền 06 triệu đồng;

- Mào Thị Mộng H7: ngày 06/4/2022, một lần với số tiền 50 triệu đồng;

- Phạm Tiến D: ngày 09/5/2022, một lần với số tiền 100 triệu đồng;

- Đỗ Văn T3: ngày 28/3/2022, một lần với số tiền 13.300.000 đồng.

Lời khai và bản tự khai của chị Y, chị H3, chị T2, anh T3, anh S, anh L đều thừa nhận việc H chuyển khoản với mục đích trả nợ, mua hàng hóa và không biết nguồn gốc tiền do H phạm tội mà có. Nguồn tiền là do H chiếm đoạt của anh T, tại phiên tòa H thừa nhận việc này và được dùng để chi trả cho mục đích cá nhân, tại phiên tòa H nhận trách nhiệm trả cho các bị hại; bị hại anh Hoàng Mạnh T đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 47/BLHS; hướng dẫn tại điểm b, khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, cần thu hồi tổng số tiền 336.800.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) để trả cho người bị hại anh Hoàng Mạnh T mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo và bị hại. Việc mua bán, vay mượn của H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các giao dịch dân sự, những

người này đều vắng mặt tại phiên tòa, trong biên bản lấy lời khai thể hiện không biết việc H lừa đảo, không biết số tiền nhận từ H là tiền vi phạm pháp luật mà có, HĐXX xác định các bị hại trên ngay tình về trách nhiệm hình sự và không xem xét trong vụ án, những người này có quyền khởi kiện vụ án dân sự khi có đủ điều kiện. Đối với anh T5, anh D, chị H7 hiện không xác định được nơi cư trú, không có mặt tại địa phương nên không có cơ sở làm rõ và thu hồi tiền H đã chuyển, do đó H chịu trách nhiệm trả cho bị hại.

[4.2] Công ty MH do H tự thành lập; hai cổ đông là anh Nguyễn Cao C1 và chị Lương Thị Thu H3 không biết Hà dùng CMTND của mình để đăng ký kinh doanh; không tham gia kinh doanh. Do đó anh C1, chị H3 không liên quan đến hành vi phạm tội của H.

[4.3] Anh T là người đưa 1.470.000.000 đồng cho H với mục đích hối lộ người có thẩm quyền để trúng thầu các công trình; H không dùng tiền để đưa hối lộ; anh T đến cơ quan điều tra khai báo và phối hợp với cơ quan điều tra làm rõ nội dung vụ án. Do đó hành vi của anh T không cấu thành tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại Điều 364 của Bộ luật hình sự.

[4.4] Anh H1 đưa tiền cho H để nhận chuyển nhượng công trình; chị C đưa tiền cho H là để trả công (không có thỏa thuận đưa cho người có chức vụ). Các hành vi này không vi phạm pháp luật.

[4.4] Chị H2, chủ tài khoản H nhờ chuyển vào 50 triệu đồng, sau đó đã rút tiền đưa cho H, chị H2 không biết đó là tiền lừa đảo. Hành vi đó không có dấu hiệu phạm tội.

[4.5] Chị Q, là người trả giúp H số tiền 18 triệu đồng cho chị C và 142.500.000 đồng cho chị B. Thời điểm trả chị Q là vợ H, không biết hành vi phạm tội của H do đó hành vi của chị Q không có dấu hiệu phạm tội.

[5] Về trách nhiệm dân sự bị cáo phải hoàn trả gồm: Anh T 1.133.200.000 đồng; anh H1 680.000.000 đồng; chị B số tiền còn lại 202.500.000 đồng.

Chị C tự nguyện rút yêu cầu bị cáo bồi thường 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng), không trái quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét trách nhiệm của bị cáo đối với số tiền trên.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có khả năng về tài chính và phải chấp hành hình phạt tù. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: 01 con dấu mang tên Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại MH Điện Biên; 01 con dấu mang tên Quảng Huy H – Phó Giám đốc; 01 con dấu mang tên Nguyễn Cao C1 – Giám đốc. Không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[8] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự và án phí Dân sự theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ một phần cần chấp nhận. Đối với đề nghị tiêu hủy vật chứng, do vật chứng thu

giữ bị cáo không sử dụng vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản do đó không có căn cứ chấp nhận.

[10] Kiến nghị: Cáo trạng số 78/CT-VKSLC-P1 ngày 18/11/2024 của VKSND tỉnh Lai Châu không đưa chị Y, chị H3, chị T2, anh T3, anh S, anh L, anh T5, anh D, chị H7 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chưa xem xét toàn diện, chưa đánh giá vai trò cũng như trách nhiệm của họ trong vụ án; không kịp thời thu hồi tài sản bị chiếm đoạt trong quá trình điều tra, truy tố; làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, bị hại (anh Hoàng Mạnh T). Đề nghị Viện trưởng VKSND tỉnh Lai Châu quan tâm.

[11] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo **Quàng Huy H** (Quàng Duy H) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2] Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Quàng Huy H** (Quàng Duy H) 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2023.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo phải hoàn trả cho các bị hại tổng số tiền 2.015.700.000 (hai tỷ không trăm mười lăm triệu bảy trăm nghìn) đồng gồm: Anh T số tiền 1.133.200.000 (một tỷ một trăm ba mươi ba triệu hai trăm nghìn) đồng; anh H1 số tiền 680.000.000 (sáu trăm tám mươi triệu) đồng; chị B số tiền 202.500.000 (hai trăm linh hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Truy thu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả cho bị hại Hoàng Mạnh T tổng số tiền 336.800.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) gồm: Chị Đỗ Thị Hải Y số tiền 205.500.000 (hai trăm linh năm triệu năm trăm nghìn) đồng; chị Lường Thị Thu H3 số tiền 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng; chị Hoàng Thị T2 số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng; anh Mai Văn S số tiền 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng; anh Hoàng Mạnh L số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng; anh Đỗ Văn T3 số tiền 13.300.000 (mười ba triệu ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, nếu người phải thi hành chưa thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 72.314.000 (bảy mươi hai triệu ba trăm mười bốn nghìn) đồng tiền án phí Dân sự.

[5] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại bị cáo: 01 con dấu mang tên Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại MH Điện Biên; 01 con dấu mang tên Quảng Huy H – Phó Giám đốc; 01 con dấu mang tên Nguyễn Cao C1 – Giám đốc.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS; Tổ HCTP; VP;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Đức Long